

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 41/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 19/7/2017

V/v: “Ly hôn, Tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị Tường Vy
- Các Hội thẩm nhân dân: + Bà Lữ Kim Hằng;
+ Ông Nguyễn Minh Hiếu Trung.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: ông Nguyễn Quang Trực – Thư ký TAND huyện Cẩm Mỹ.

Đại diện VKSND huyện Cẩm Mỹ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 19/7/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ xét xử sơ thẩm vụ án HNGĐ thụ lý số: 282/2016/TLST–HNGĐ ngày 15/11/2016 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2017/QĐST-HNGĐ ngày 05/6/2017 và quyết định hoãn phiên tòa số: 65/2017/QĐST-HNGĐ ngày 20/6/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Trần Thị H, sinh năm: 1968. (Có mặt)
HKTT: tổ 14, ấp 10, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai
2. Bị đơn: ông Đỗ Văn M, sinh năm: 1966. (Vắng mặt)
HKTT: tổ 14, ấp 10, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải không được và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

- Quan hệ hôn nhân: bà và ông M cưới nhau vào năm 1990 và không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống ông M hay đánh đập bà và khoảng một năm nay ông M sống với người phụ nữ khác, không chăm lo gia đình. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông M.

- Về con chung: vợ chồng bà có 04 con chung cháu Đỗ Thị Hồng A, sinh năm: 1991; cháu Đỗ Thị Hồng A1, sinh năm: 1993; cháu Đỗ Thị Hồng A2, sinh năm: 1995; cháu Đỗ Thị Hồng Y, sinh ngày 25/8/1999. Khi ly hôn bà H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Y và không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu xem xét.

* Đối với bị đơn là ông Đỗ Văn M: vì ông M cố tình vắng mặt trong các buổi làm việc mà Tòa án triệu tập nên không có lời trình bày của ông.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên Tòa: Về thụ lý vụ án, quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ của tòa án được thực hiện theo quy định của pháp luật; tại phiên tòa việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và của HĐXX thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, việc Tòa án gia hạn thời gian

chuẩn bị xét xử vụ án là không cần thiết vì sau đó tòa án không tiến hành gì thêm. Tòa án chưa giao thông báo kết quả phiên họp kiểm tra giao nộp tài liệu, chứng cứ; chưa có quyết định thay đổi hội thẩm so với QĐXX. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: về quan hệ hôn nhân là không công nhận vợ chồng giữa ông M và bà H; về con giao cháu Đỗ Thị Hồng Y cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng; về cấp dưỡng bà H không yêu cầu nên tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng cho ông M; tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: bà H và ông M tự nguyện tiến tới hôn nhân, chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn. Tuy nhiên cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông M. Vợ chồng có 04 con chung và bà H yêu cầu được nuôi cháu Y. Như vậy, đây là vụ án về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Ông Đỗ Văn M có HKTT tại tổ 14, ấp 10, xã X, huyện C, Đồng Nai. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng: ông M đã được triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông M là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: bà H và ông M tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 cho đến năm 2016 thì ông M và bà H sống ly thân, đây là hôn nhân lần đầu của cả 2 người và cho đến thời điểm hiện nay ông bà vẫn chưa đăng ký kết hôn. Theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, cũng như Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì ông bà đã đủ điều kiện để được đăng ký kết hôn nhưng cho đến thời điểm này bà H và ông M vẫn chưa làm thủ tục để đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên quan hệ hôn nhân của ông bà không có giá trị pháp lý và không được pháp luật công nhận. Nên HĐXX tuyên bố không công nhận bà Trần Thị H và ông Đỗ Văn M là vợ chồng.

- Về con chung: Khi ly hôn bà H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Y và không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung.

Qua lời trình bày của bà H thì hiện nay cháu Y đang sống với bà và Tại BL 19 thì cháu Đỗ Thị Hồng Y có lời khai là xin được sống cùng bà H nếu ba mẹ không chung sống với nhau. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi của cháu Y nên cần chấp nhận yêu cầu của bà H là giao cháu Đỗ Thị Hồng Y - Sinh ngày 25/8/1999 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Bà H không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung, vậy nên tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho ông M.

- Về tài sản chung, nợ chung: bà H khai không có tài sản chung, không có nợ chung và cũng không có ai có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: bà Trần Thị H nộp 200.000 đồng án phí DSST về ly hôn.

* Đối với lời phát biểu của VKSND huyện Cẩm Mỹ về việc gia hạn vụ án là không cần thiết vì sau khi gia hạn tòa án không tiến hành bất cứ hoạt động nào khác. Xét thấy vụ án trên bị đơn vắng mặt nên việc tiến hành các thủ tục tổng đạt các văn

bản cho bị đơn thì cần phải có thời gian dài để đảm bảo cho việc niêm yết đúng quy định và phải tiến hành xác minh tại địa phương, vì vậy thời gian chuẩn bị xét xử cần phải gia hạn và sau khi gia hạn tòa án có tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải chứ không phải không tiến hành hoạt động gì theo lời phát biểu của VKS; đối với việc giao thông báo kết quả phiên họp công khai chứng cứ và Quyết định thay đổi Hội thẩm thì Tòa án có thực hiện nhưng chưa đưa vào trong hồ sơ vụ án. Các phát biểu khác phù hợp với quy định pháp luật và phù hợp với quan điểm giải quyết vụ án của HĐXX nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật TTDS;

Các Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật HNGĐ năm 2014;

Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Trần Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Trần Thị H và bà Đỗ Văn M là vợ chồng.

- Về con chung: giao cháu Đỗ Thị Hồng Y, sinh ngày 25/8/1999 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng: Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho ông M.

Sau khi ly hôn quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung được pháp luật bảo vệ.

- Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

2/ Về án phí: bà Trần Thị H nộp 200.000 đồng án phí DSST nhưng được khấu trừ vào số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí mà bà H đã nộp tại biên lai thu tiền số 003726 ngày 14/11/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ. Bà H đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H.Cẩm Mỹ ;
- THA dân sự H.Cẩm Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Thị Tường Vy